|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THPT A BÌNH LỤC**  **TỔ:** Toán - Tin | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA NHÓM CHUYÊN MÔN

**MÔN HỌC: TIN HỌC, KHỐI LỚP 12 – ĐỊNH HƯỚNG TIN HỌC ỨNG DỤNG**

(Năm học 2024 – 2025)

1. **Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 05**; Số học sinh:**  **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:** 0

1. **Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**  03; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 03; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên 1:** Tốt: 03; Khá:0; Đạt:0; Chưa đạt:0

1. **Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính, máy chiếu | Máy tính: 30  Máy chiếu: 1 | CĐ B. Bài 3. Thực hành thiết lập kết nối và sử dụng mạng.  CĐ **AICT**. Bài 1. Thực hành kết nối máy tính với ti vi thông minh CĐ.  CĐ **AICT.**  Bài 2: Thực hành theo nhóm: Kết nối các thiết bị không dây cho ứng dụng.  CĐ F. Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết.  CĐ F. Bài 4. Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểu.  CĐ F. Bài 5. Chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khung.  CĐ F. Bài 6. Tạo biểu mẫu.  CĐ F. Bài 7. Thực hành tạo biểu mẫu.  CĐ F. Bài 8: Làm quen với CSS.  CĐ F. Bài 9. Thực hành định dạng một số thuộc tính CSS.  CĐ F. Bài 10. Bộ chọn lớp, bộ chọn định danh.  CĐ F. Bài 11. Mô hình hộp, bố cục trang web.  CĐ F. Bài 12. Dự án nhỏ: Tạo trang web báo tường.  CĐ **EICT** Bài 1. Giới thiệu phần mềm tạo website.  CĐ **EICT** Bài 2. Tạo website bằng phần mềm  CĐ **EICT** Bài 3. Tạo thanh điều hướng cho trang web  CĐ **EICT** Bài 4. Tạo nội dung văn bản cho trang web  CĐ **EICT** Bài 5. Tạo nội dung hình ảnh cho trang web  CĐ **EICT** Bài 6. Tạo biểu mẫu cho trang web và xuất bản website  CĐ **EICT** Bài 7. Tạo sản phẩm theo nhóm (Bài tập nhóm). |  |

1. **Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng tin học | 03 | Sử dụng trong các giờ Bài thực hành và các tiết minh họa trực quan. |  |

1. **Kế hoạch dạy học2**

**1. Phân phối chương trình**

**Học kì 1 (18 tuần: 36 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **(1)** | **Bài học**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(4)** |
| **CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC**  GIỚI THIỆU TRÍ TUỆ NHÂN TẠO | | | |
| **1** | Bài 1. Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:   * - Sơ lược về khái niệm Trí tuệ nhân tạo (AI). * - Về một hệ thống AI có tri thức, có khả năng suy luận và khả năng học,… * - Một số lĩnh vực nghiên cứu của AI.   **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***Năng lực chung:***   * *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. * *- Năng lực tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. * *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.   ***Năng lực riêng:***  Năng lực c: (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Có những hiểu biết về trí tuệ nhân tạo và nêu được một số ứng dụng điển hình của trí tuệ nhân tạo cụ thể:  - HS giải thích được trí tuệ nhân tạo là gì, nêu được 5 khả năng đặc trưng của AI: học, hiểu ngôn ngữ, nhận biết môi trường xung quanh, suy luận, giải quyết vấn đề.  - HS nêu được một số ví dụ hệ thống AI điển hình, qua đó minh họa được 5 khả năng trên của AI; biết được các khả năng ấy giúp tăng hiệu quả công việc trong học tập và cuộc sống hàng ngày.  - HS nêu được một số lĩnh vực khoa học công nghệ đã và đang phát triển mạnh mẽ nhờ ứng dụng AI.  **3. Về phẩm chất**   * Chăm chỉ: Thu thập thông tin qua sách, mạng Internet về trí tuệ nhân tạo, tích cực tập trung vào các hoạt động học tập. * Tự tin: Đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân về ứng dụng trí tuệ nhân tạo. * Trách nhiệm: Nhân thức được trách nhiệm cá nhân trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo đúng đắn và hữu ích. * Năng động, sáng tạo: Tích cực tìm hiểu sáng tạo trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ cuộc sống. |
| **2** | Bài 2. Giới thiệu về trí tuệ nhân tạo (tiếp theo) | **2** | **1.** **Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:   * Một số lĩnh vực của khoa học công nghệ, đời sống đã và đang phát triển mạnh mẽ dựa trên những thành tựu to lớn của AI. * Một số ứng dụng điển hình của AI như: điều khiển tự động, chẩn đoán bệnh, nhận dạng chữ viết tay, nhận dạng tiếng nói và khuôn mặt, trợ lí ảo,… * Một số cảnh báo về sự phát triển của AI trong tương lai.   **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  *Năng lực chung:*   * *Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực riêng:***  Năng lực c: (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Có những hiểu biết về trí tuệ nhân tạo và nêu được một số ứng dụng điển hình của trí tuệ nhân tạo cụ thể:  - HS giải thích được trí tuệ nhân tạo là gì, nêu được 5 khả năng đặc trưng của AI: học, hiểu ngôn ngữ, nhận biết môi trường xung quanh, suy luận, giải quyết vấn đề.  - HS nêu được một số ví dụ hệ thống AI điển hình, qua đó minh họa được 5 khả năng trên của AI; biết được các khả năng ấy giúp tăng hiệu quả công việc trong học tập và cuộc sống hàng ngày.  - HS nêu được một số lĩnh vực khoa học công nghệ đã và đang phát triển mạnh mẽ nhờ ứng dụng AI.  **3. Về phẩm chất**   * Chăm chỉ: Thu thập thông tin qua sách, mạng Internet về trí tuệ nhân tạo, tích cực tập trung vào các hoạt động học tập. * Tự tin: Đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân về ứng dụng trí tuệ nhân tạo. * Trách nhiệm: Nhân thức được trách nhiệm cá nhân trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo đúng đắn và hữu ích. * Năng động, sáng tạo: Tích cực tìm hiểu sáng tạo trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ cuộc sống. |
| **CHỦ ĐỀ B. MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET**  KẾT NỐI MẠNG | | | |
| **3** | Bài 1. Cơ sở mạng máy tính | **2** | **1. Về kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ hiểu được:*  - Một số khái niệm mở đầu về mạng máy tính  - Mạng cục bộ: Mạng LAN, Mạng WLAN  - Mạng diện rộng và Internet  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  Nlc: (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):   * Sử dụng thiết bị mạng phù hợp với yêu cầu kĩ thuật. * Hiểu về các loại mạng.   **3. Phẩm chất**   * *Chăm chỉ:* Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập. * *Trung thực:* Thực hiện đúng phần việc của bản thân và hợp tác làm việc nhóm khi được giao nhiệm vụ. Có ý thức báo cáo kết quả một cách chính xác. * *Trách nhiệm:* Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của giáo viên thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu học tập, thông qua sản phẩm |
| **4** | Bài 2. Mô hình và các giao thức mạng | **2** | **1. Về kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ:*  - Sơ lược vai trò và chức năng của giao thức mạng nói chung.  - Vai trò và chức năng giao thức TCP/IP nói riêng trong việc kết nối mạng internet.  **2. Về năng lực:**  **- Năng lực chung:**  + Tự chủ và tự học: Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác  + Giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.  + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để giải quyết các vấn đề do giáo viên đặt ra. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.  **- Năng lực tin học:**  + NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): HS được rèn luyện, bồi dưỡng năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc tìm hiểu các kiến thức về mạng máy tính và Internet và kết nối mạng.  **3. Về phẩm chất:**  - Có thái độ học tập tốt để trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, đất nước  + Chăm chỉ học tập, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.  + Nghiêm túc, có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của giáo viên. |
| **5** | Bài 3. Thực hành thiết lập kết nối và sử dụng mạng | **2** | **1. Về kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ:*   * Kết nối luôn máy tính với các thiết bị Access Point, Switch. * Kết nối được thiết bị di động vào mạng máy tính. * Sử dụng được các chức năng mà của hệ điều hành để chia sẻ tài nguyên.   **2. Về năng lực**  **Năng lực chung:**  - Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.  - Giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong hoạt động nhóm.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; xác định và đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.  **Năng lực tin học:**  **- Nla.** Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông. Học sinh thực hiện được các thao tác đơn giản: Lắp ráp các thiết bị mạng với máy tính.  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập, tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.  - Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập. |
| **CHỦ ĐỀ AICT. MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC**  THỰC HÀNH KẾT NỐI THIẾT BỊ SỐ | | | |
| **6** | Bài 1. Thực hành kết nối máy tính với ti vi thông minh | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học này cung cấp kiến thức:  - Kết nối máy tính với ti vi thông minh qua kết nối không day  - Thực hiện truyền các tệp âm thanh, hình ảnh và video giữa máy tính và ti vi thông minh phù hợp với nhu cầu sử dụng và đạt hiệu quả tốt  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);  + Kết nối được máy tính với ti vi thông minh thông qua Wi - Fi.  + Kết nối được máy tính với ti vi thông minh thông qua Bluetooth.  - Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);  + Thực hiện kết nối máy tính với một số thiết bị khác như tai nghe, bàn phím,… qua Bluethooth.  - Nle (Hợp tác trong môi trường số):  + Gửi/nhận tệp ảnh, video, âm thanh… từ máy tính sang ti vi.  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **7** | Bài 2. Thực hành theo nhóm: Kết nối các thiết bị không dây cho ứng dụng | **2** | 1. Về kiến thức - Kết nối một số thiết bị thông minh.  - Khai thác các tính năng của thiết bị đó.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông).  + Sử dụng và kết nối được máy tính với điện thoại thông minh qua wi – fi.  + Sử dụng và kết nối được máy tính với điện thoại thông minh qua ứng dụng AirDroid Personal  + Làm việc với ổ cắm thông minh  + Làm việc với đèn thông minh.  NLd (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);  + Thực hiện truyển tin nhắn càng các loại file khác nhau giữa điện thoại và máy tính tính.  Nle (Hợp tác trong môi trường số)  ***-*** Kết nối được máy tính với một số thiết bị số bằng các phương thức khác nhau, trong đó có các thiết bị nhà thông minh qua Internet. 3. Về phẩm chất - Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
| **CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ** | | | |
| **6** | Giữ gìn tính nhân văn trong thế giới ảo | **2** | **1. Về kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*  **-** Ưu và nhược điểm về giao tiếp trong thế giới ảo qua các ví dụ cụ thể.  - Tính nhân văn trong ứng xử ở một số tình huống tham gia thế giới ảo.  **2. Về năng lực**  **2.1. Năng lực chung**  - Năng lực tự học, tự chủ: học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa, kết hợp với gợi ý của GV để trả lời các câu hỏi.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: học sinh có khả năng hợp tác, thảo luận với bạn bè để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết các tình huống khi giao tiếp trên không gian mạng.  **2.2. Năng lực tin học**  **\* Hình thành các năng lực:**  - NLb: biết cách tự bảo vệ thông tin, dữ liệu và tài khoản cá nhân; hiểu được rõ ràng hơn những mặt trái của Internet, nhận diện được những hành vi lừa đảo, thông tin mang nội dung xấu và biết cách xử lí phù hợp; thể hiện tính nhân văn khi tham gia thế giới ảo.  - NLe: lựa chọn và sử dụng được những kênh phù hợp để trao đổi thông tin, thảo luận, hợp tác và mở mang tri thức; giao tiếp, hoà nhập được một cách an toàn trong môi trường số, biết tránh các tác động xấu thông qua một số biện pháp phòng tránh cơ bản.  **3. Về phẩm chất**  - Hình thành phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực. |
| **CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH**  TẠO TRANG WEB | | | |
|  | Bài 1. Làm quen với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản | **2** | 1. Về kiến thức Học sinh được học về:  - Khái niệm và chức năng của ngôn ngữ HTML.  - Khái niệm thẻ HTML, phần tử HTML.  - Cấu trúc trang web.  - Phần mềm soạn thảo HTML.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:  - Giải thích được khái niệm và chức năng của ngôn ngữ HTML.  - Biết được cấu trúc thẻ HTML, phần tử HTML, nhận dạng được thẻ HTML và phần tử HTML trong ví dụ cụ thể.  - Giải thích được cấu trúc trang web.  - Biết về các phần mềm soạn thảo HTML, các ưu nhược điểm của từng phần mềm, từ đó lựa chọn được phần mềm soạn thảo phù hợp với nhiệm vụ và điều kiện thực tế. 3. Về phẩm chất Hình thành ý thức trách nhiệm khi làm việc nhóm. Rèn tính cẩn thận, kiên trì, chăm chỉ học hỏi để hoàn thành nhiệm vụ được giao. |
|  | Bài 2. Định dạng văn bản và tạo siêu liên kết | **2** | **1. Kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*   * Cách tạo nội dung trang web theo đoạn văn bản và cách tạo tiêu đề mục. * Một số cách làm nổi bật văn bản trên trình duyệt web. * Cách tạo siêu liên kết.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:* HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông tạo được:   * Biết được cách tạo nội dung trang web theo đoạn văn bản và cách tạo tiêu đề mục. * Biết được các thành phần khác nhau của văn bản cần có kiểu định dạng khác nhau, phù hợp và giúp nhấn mạnh nội dung. * Tạo được siêu liên kết.   **3. Phẩm chất**   * Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới. * Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML. * Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |
|  | Bài 3. Thực hành định dạng văn bản và tạo siêu liên kết | **2** | **1. Về kiến thức**  **Sau bài học này, HS sẽ:**  **-** Tạo được trang web đơn giản với các đoạn văn bản và các tiêu đề mục.  - Làm nổi bật được nội dung văn bản trên màn hình trình duyệt web.  - Tạo được siêu liên kết.  **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***  *- Năng lực tự chủ*: Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Xác định và tìm hiểu được các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề trong bài học.  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.  ***Năng lực tin học:***  - *Nla:* Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin truyền thông  - *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông tạo được trang web đơn giản (Tạo tiêu mục, làm nổi bật nội dung cho trang web và tạo sêu liên kết).  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể.  - Trung thực: Rèn thói quen trung thực với các nhiệm vụ được giao |
|  | Bài 4. Trình bày nội dung theo dạng danh sách, bảng biểu | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Dạng danh sách trên trang web: Danh sách xác định thứ tự, danh sách không xác định thứ tự.  - Bảng biểu trên trang web  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập, thông qua các hoạt động học tập, được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động theo nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***\* Năng lực tin học:***  Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  + Trình bày được nội dung dạng danh sách trên trang web  + Tạo được bảng biểu trên trang web  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
|  | Bài 5. Chèn hình ảnh, âm thanh, video và sử dụng khung | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Hình ảnh, tệp âm thanh, video vào trang web.  - Nhúng nội dung trang web khác vào trang web hiện thời.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập, thông qua các hoạt động học tập, được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động theo nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***\* Năng lực tin học:***  Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  + Chèn được hình ảnh, âm thanh, video vào trang web  + Nhúng được nội dung trang web khác vào trang web  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
|  | Bài 6. Tạo biểu mẫu | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Khái niệm biểu mẫu  - Điều khiển nhập xâu kí tự  - Nhập dữ liệu bằng cách lựa chọn  - Nút lệnh gửi dữ liệu  - Một số lưu ý trong thiết kế biểu mẫu  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho học sinh những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập, thông qua các hoạt động học tập, được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động theo nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  *- Tự chủ và tự học:* Luôn chủ động, tích cực tìm hiểu nội dung bài học; Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.  ***\* Năng lực tin học:***  Nlc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):  + Phát biểu được khái niệm biểu mẫu.  + Mô tả được một số điều khiển hỗ trợ nhập dữ liệu trên trang web.  + Nêu được một số quy định trong thiết kế biểu mẫu.  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
|  | Bài 7. Thực hành tạo biểu mẫu | **2** | **1. Kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*  - Tạo biểu mẫu trên trang web  - Các điều khiển thông dụng vào biểu mẫu  - Thiết kế biểu mẫu phù hợp với yêu cầu nhập dữ liệu  **2. Năng lực:**  - *Năng lực chung:*  + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.  + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.  *- Năng lực tin học:* NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:  + Tạo được biểu mẫu trên trang web  + Thêm được các điều khiển thông dụng vào biểu mẫu  + Thiết kế được biểu mẫu phù hợp với yêu cầu nhập dữ liệu  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ: Học sinh có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở trường trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. tích cực trong việc hoàn thành các hoạt động học tập của cá nhân.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác và nghiêm túc hoàn thành các nhiệm vụ mà đã phân công về nhà và trên lớp học. |
|  | Bài 8. Làm quen với CSS | **2** | **1. Kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*  - Mục đích sử dụng CSS  - Bộ chọn phần tử và cách áp dụng CSS  - Một số thuộc tính định dạng CSS  **2. Năng lực**  - *Năng lực chung:*  + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.  + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.  *- Năng lực tin học:*  NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:  + Nêu được mục đích sử dụng CSS  + Mô tả được bộ chọn phần tử và cách áp dụng CSS  + Trình bày được một số thuộc tính định dạng CSS  **3. Phẩm chất**   * Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới. * Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML. * Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |
|  | Ôn tập |  |  |
|  | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ I** |  |  |
| **HỌC KÌ II** | | | |
|  | Bài 9. Thực hành định dạng một số thuộc tính CSS | **2** | **1. Kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*  - Bộ chọn phần tử  - Internal CSS, external CSS  - Một số thuộc tính CSS  **2. Năng lực:**  - *Năng lực chung:*  + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.  + Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.  *- Năng lực tin học:*  NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:  + Khai báo được bộ chọn phần tử  + Sử dụng internal CSS, external CSS  + Sử dụng được một số thuộc tính CSS  **3. Phẩm chất**  - Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của GV thông qua sản phẩm, thực hành. |
|  | Bài 10. Bộ chọn lớp, bộ chọn định danh | **2** | ***1. Về kiến thức***  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*  - Ý nghĩa và cách thiết lập và áp dụng bộ chọn đặc biệt (bộ chọn lớp, bộ chọn với mã định danh, bộ chọn thuộc tính) của CSS.  - Bộ chọn lớp (class selector) và bộ chọn với mã định danh (id selector).  ***2. Về năng lực***  ***2.1. Năng lực chung***  - Tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu về cách thiết lập các bộ chọn của CSS  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, thảo luận và xây dựng quan điểm chung về cách thiết lập các bộ chọn.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích, đánh giá tác động của trí tuệ nhân tạo và đưa ra giải pháp, ý tưởng mới.  ***2.2. Năng lực Tin học***  - NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông): Ứng dụng bộ chọn để định dạng cho 1 nhóm phần tử có cùng ý nghĩa hay cho từng phần tử riêng biệt có mã định danh trong một số bài toán cụ thể.  ***3. Về phẩm chất***  - Tự tin: Đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân về ứng dụng Trí tuệ nhân tạo.  - Trách nhiệm: Nhận thức được trách nhiệm của cá nhân trong việc sử dụng Trí tuệ nhân tạo đúng đắn và hữu ích.  - Năng động, sáng tạo: Tích cực tìm hiểu, sáng tạo trong ứng dụng AI phục vụ cuộc sống. |
|  | Bài 11. Mô hình hộp, bố cục trang web | **2** | ***1. Về kiến thức***  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*  **-** Mô hình hộp trong trình bày phần tử HTML.  - Cách hiển thị phần tử theo khối, theo dòng.  - Các thành phần cơ bản trong bố cục trang web.  ***2. Về năng lực***  ***2.1. Năng lực chung***  - Tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu về cách sử dụng mô hình hộp (box model)  - Giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, thảo luận và xây dựng quan điểm chung về cách thiết lập các bộ chọn.  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích, đánh giá tác động của đưa ra giải pháp, ý tưởng mới.  ***2.2. Năng lực Tin học***  - NLc Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:  + Mô tả được mô hình hộp trong trình bày phần tử HTML.  + Trình bày được cách hiển thị phần tử theo khối, theo dòng  + Nhận diện được các thành phần cơ bản trong bố cục trang web.  ***3. Về phẩm chất***  - Tự tin: Đưa ra quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân.  - Trách nhiệm: Nhận thức được trách nhiệm của cá nhân trong việc sử dụng  - Năng động, sáng tạo: Tích cực tìm hiểu, sáng tạo trong ứng dụng. |
|  | Bài 12. Dự án nhỏ: Tạo trang web báo tường |  | **1. Kiến thức**  *Sau bài học này, HS sẽ biết được:*   * Các phần tử HTML để tạo trang web. * Bảng định dạng CSS để tạo trang web đa dạng và sinh động.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  - *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:   * Biết cách sử dụng các phần tử HTML để tạo trang web. * Biết cách sử dụng được bảng định dạng CSS để tạo trang web đa dạng và sinh động.   **3. Phẩm chất**   * Có ý thức chủ động tìm hiểu và cập nhật các kiến thức mới. * Cẩn thận, tỉ mỉ khi viết các mã lệnh HTML. * Hình thành tư duy lôgic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. |
| **CHỦ ĐỀ EICT. ỨNG DỤNG TIN HỌC**  THỰC HÀNH SỬ DỤNG PHẦN MỀM TẠO TRANG WEB | | | |
|  | Bài 1. Giới thiệu phần mềm tạo website | **2** | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*   * Một số chức năng cơ bản của phần mềm tạo Website. * Các thành phần của giao diện phần mềm tạo Website Mobirise.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  - *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:   * Biết được một số chức năng của phần mềm tạo website. * Biết được các thành phần của giao diện phần mềm tạo Website Mobirise.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
|  | Bài 2. Tạo website bằng phần mềm | **2** | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ biết được:*   * Cấu trúc cơ bản của một website. * Một số chức năng chính của phần mềm tạo website.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  - *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:   * Biết được cấu trúc cơ bản của một website. * Tạo được một website đơn giản bằng phần mềm.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
|  | Bài 3. Tạo thanh điều hướng cho trang web | **2** | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ:*   * Nêu được ý nghĩa và cách sử dụng thanh điều hướng trong website. * Tạo được thanh điều hướng cho trang web.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  - *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:   * Biết được chức năng và vị trí của thanh điều hướng. * Biết cách tạo thanh điều hướng cho trang web.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II** | | | |
|  | Bài 4. Tạo nội dung văn bản cho trang web | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Nội dung văn bản cho trang web: nội dung bài viết, chân trang.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho HS những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);  + Tạo được nội dung văn bản cho trang web: nội dung bài viết, chân trang.  - Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);  + Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng máy tính.  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
|  | Bài 5. Tạo nội dung hình ảnh cho trang web | **2** | **1. Về kiến thức**  Bài học cung cấp những kiến thức:  - Nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.  **2. Về năng lực**  Bài học góp phần củng cố và phát triển cho HS những năng lực với biểu hiện cụ thể như sau:  ***\* Năng lực chung:***  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành tư duy logic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn đề. Phân tích được tình huống, đề xuất và lựa chọn giải pháp để chọn được phương án nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra ban đầu.  *- Tự chủ và tự học:* Tự nhận ra và điều chỉnh một số sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác.  *- Giao tiếp và hợp tác:* Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp HS phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.  ***\* Năng lực tin học:***  - Nla (Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông);  + Tạo được các nội dung dạng hình ảnh trên trang web: ảnh đại diện, video, thư viện ảnh dưới dạng thanh trượt và bộ sưu tập.  - Nld (Ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông trong học và tự học);  + Sử dụng được một số tiện ích tạo trang web trực tuyến có sẵn.  **3. Về phẩm chất**  - Chăm chỉ: Chăm học, tích cực, tìm tòi và sáng tạo trong học tập.  - Trách nhiệm: Các hoạt động khuyến khích HS cởi mở, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. |
|  | Bài 6. Tạo biểu mẫu cho trang web và xuất bản website | **2** | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ biết được:*   * Biểu mẫu cho trang web. * Website dưới dạng các tệp tin HTML, tải website lên trên Internet.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  - *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:   * Biết cách thêm biểu mẫu trên trang web. * Biết cách xuất bản website.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
|  | Bài 7. Tạo sản phẩm theo nhóm (Bài tập nhóm) |  | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ:*   * Một website bằng phần mềm Mobirise. * Tính hợp tác và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  *Nlc:* Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ công nghệ thông tin và truyền thông:   * Biết cách tạo một website bằng phần mềm Mobirise.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
| **CHỦ ĐỀ G. HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC**  GIỚI THIỆU NHÓM NGHỀ DỊCH VỤ VÀ QUẢN TRỊ, MỘT SỐ NGHỀ ỨNG DỤNG TIN HỌC VÀ MỘT SỐ NGÀNH THUỘC LĨNH VỰC TIN HỌC | | | |
|  | Bài 1. Giới thiệu nghề Dịch vụ và Quản trị trong ngành Công nghệ thông tin | **2** | * + - 1. **Về kiến thức:**   *Sau bài học này, HS sẽ thấy được:*   * Thông tin hướng nghiệp nhóm nghề dịch vụ và quản trị; sửa chữa và bảo trì máy tính, quản trị mạng, quản trị và bảo trì hệ thống, bảo mật hệ thống thông tin. * Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp về một số nghề trong nhóm nghề dịch vụ và quản trị ngành công nghệ thông tin.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):   * Biết được một số thông tin cơ bản về nghề dịch vụ và quản trị: các công việc chính; yêu cầu về kiến thức, kĩ năng; các ngành học có liên quan ở các bậc học tiếp theo; nhu cầu nhân lực hiện tại và tương lai * Tự tìm kiếm và khai thác được thông tin hướng nghiệp (qua các chương trình đào tạo, thông báo tuyển dụng nhân lực, …) về một vài ngành nghề liên quan khác trong lĩnh vực tin học. * Giao lưu được với bạn bè qua các kênh truyền thông số để tham khảo và trao đổi ý kiến về những thông tin trên.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
|  | Bài 2. Một số nghề khác trong ngành Công nghệ thông tin và một số nghề ứng dụng công nghệ thông tin | **2** | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ biết được:*   * Tên một số nghề trong ngành công nghiệp phần mềm hoặc chuyển đổi số. * Tên một số nghề ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành truyền thông đa phương tiện hoặc các lĩnh vực khác. * Vai trò và công việc của những nghề này.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):   * Kể được tên một số nghề trong ngành công nghiệp phần mềm hoặc chuyển đổi số, truyền thông đa phương tiện hoặc các lĩnh vực khác.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
|  | Bài 3. Dự án nhỏ: Tìm hiểu thông tin tuyển sinh và hướng nghiệp về lĩnh vực đào tạo “Máy tính và Công nghệ thông tin” ở Việt Nam | **2** | **1. Về kiến thức:**  *Sau bài học này, HS sẽ biết được:*   * Thông tin tuyển sinh và hướng nghiệp một số ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đào tạo máy tính và Công nghệ thông tin. * Vai trò và công việc của chuyên viên công nghệ thông tin trong một số ngành nghề có nhiều ứng dụng công nghệ thông tin. * Giao lưu được với bạn bè qua các kênh truyền thông để tham khảo và trao đổi ý kiến về những thông tin trên.   **2. Năng lực**  ***Năng lực chung:***   * *Năng lực học tập, tự học:*HS biết tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học, quá trình tự giác tham gia các và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,… * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*Khả năng phân công và phối hợp thực hiện nhiệm vụ học tập. * *Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo:*HS đưa ra các phương án trả lời cho câu hỏi, bài tập xử lý tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết vấn đề thường gặp.   ***Năng lực Tin học:***  NLc (Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông):   * Biết cách tìm hiểu, thu thập và chọn lọc thông tin về một ngành học thuộc nhóm ngành đạo tạo “Máy tính và công nghệ thông tin” của một cơ sở đào tạo uy tín.   **3. Về phẩm chất:**   * Trách nhiệm: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ. * Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào thực tiễn. |
|  | Ôn tập cuối kì II | **1** |  |
|  | **KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II** | **1** |  |